

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

Tháng 3 – 2022





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
Năm báo cáo: 2022

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Số 4600355393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 07/05/2004, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 14/4/2022;
Vốn điều lệ	: 37.000.000.000 đồng;
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 37.000.000.000 đồng;
Địa chỉ	: Tổ dân phố Bông Hồng - phường Bãi Bông – thành phố Phổ Yên – tỉnh Thái Nguyên;
Số điện thoại	: (+84) 2083 863694;
Số Fax	: (+84) 2083 863118;
Website	: http://www.fomeco.vn ;
Email	: Info@fomeco.vn ;
Mã cổ phiếu	: FBC.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO) được thành lập ngày 19/10/1974 theo Quyết định thành lập số 283/QĐ/TCNSĐT của Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng.

Năm 1974 : Công ty được thành lập ngày 19/10/1974 bởi Bộ công nghiệp nặng với tên gọi là “Nhà máy vòng bi”

Năm 1996 : Ngày 06/01/1996, nhà máy đổi tên thành “Nhà máy Cơ khí Phổ Yên” thuộc Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) – Bộ công nghiệp

Năm 2002 : Tháng 04/2002, nhà máy được đổi tên thành “Công ty Cơ khí Phổ Yên”

Năm 2003 : Ngày 12/12/2003, Công ty đổi tên thành “Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên” theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công

thương)

Năm 2017 : Ngày 20/10/2017, cổ phiếu của FOMECO được niêm yết lần đầu trên sàn Upcom với mã cổ phiếu FBC.

Trải qua gần 50 năm hoạt động, Công ty Cơ khí Phổ Yên đã tham gia cung cấp thiết bị, phụ tùng cho rất nhiều khách hàng trên toàn lãnh thổ Việt Nam và các nước trên thế giới. Công ty đã tạo được uy tín lớn trên thị trường với các sản phẩm chất lượng cao, giá cả hợp lý và không ngừng cải tiến công tác hậu mãi cũng như các dịch vụ chăm sóc khách hàng khác.

Hướng về chặng đường phát triển trong tương lai, FOMECO luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực gia công cơ khí của Việt Nam, luôn là bạn đồng hành tin cậy góp phần vào sự thành công và phát triển của khách hàng trong và ngoài nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng tải);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô);
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm: Các loại vòng bi, phụ tùng xe gắn máy, phụ tùng ô tô, các chi tiết cơ khí nói chung, con lăn, băng tải, phụ tùng cho ngành xây dựng.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp có vốn nước ngoài tại Việt Nam (FDI);
- Thị trường nội địa Việt Nam;
- Xuất khẩu.

Các đối tác, khách hàng truyền thống của Công ty trong những năm qua bao gồm: HONDA, YAMAHA, HILEX, HANWA, JOTO, SHOWA, TECHNO, SUZUKI, STANLEY, NIPPO ...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

+ Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

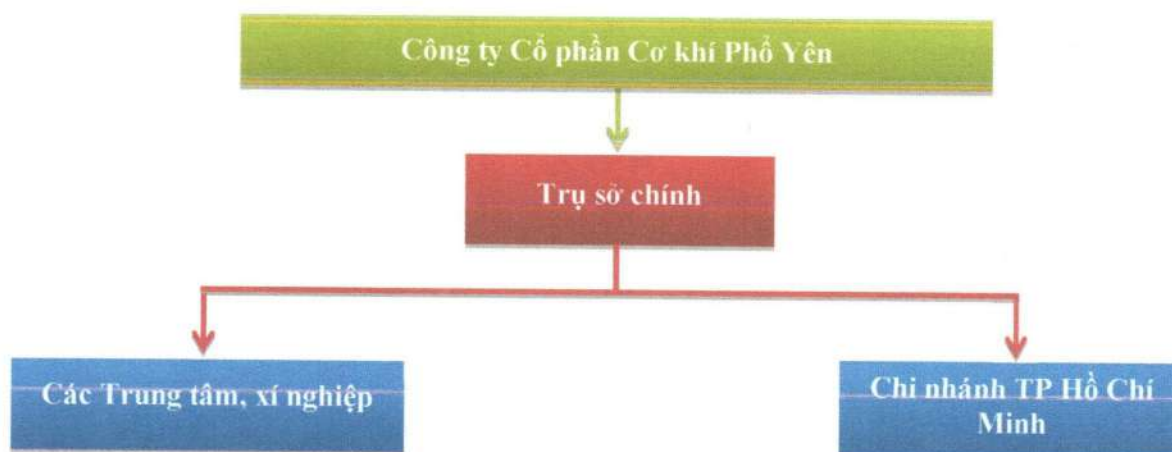
+ Hội đồng Quản trị gồm: 05 thành viên.

+ Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên.

+ Ban điều hành Công ty gồm 04 thành viên: 01 Giám đốc điều hành, 02 Phó giám đốc, 01 kế toán trưởng.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.



Trụ sở chính Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên:

Địa chỉ : Phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: (+84) 2083863694

Fax : (+84) 2083863118

Email : Info@fomeco.vn

Website : www.fomeco.vn

Trụ sở chính của công ty cách sân bay Nội Bài khoảng 35 km, cách thủ đô Hà Nội khoảng 50km. Công ty có tổng diện tích là 172.000 m², với trên 90.000 m² nhà xưởng. Nhân sự quản lý trực tiếp và gián tiếp khoảng 1000 người làm việc tại 9 xí nghiệp sản xuất và 9 phòng ban, trung tâm.

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

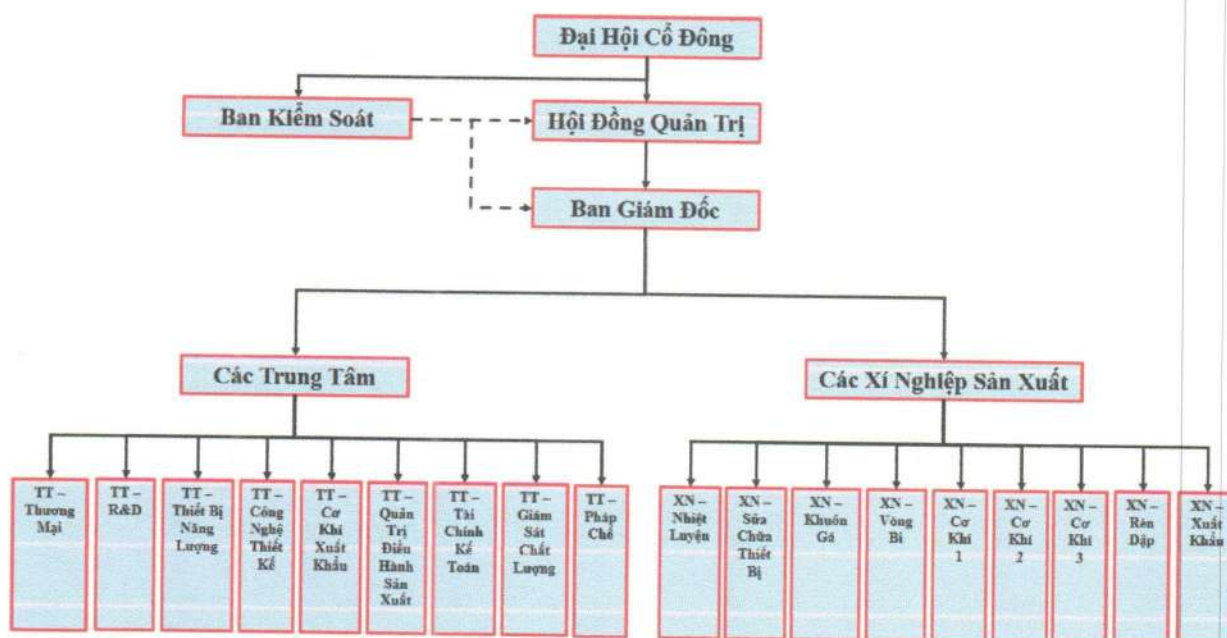
Địa chỉ: Số 9, đường 36, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6273 1736 Fax: (84-8) 6293 2554

Công ty hiện nay không có các đơn vị hạch toán phụ thuộc cũng như các đơn vị thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN



Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý và điều hành Công ty đã thực hiện rất tốt nhiệm vụ điều hành quản lý hoạt động SXKD đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong dây chuyền sản xuất.

□ Bộ máy lãnh đạo:

● Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

● Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

● Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều

hành quản lý Công ty.

- **Ban Giám đốc**

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất điều hành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cơ quan chủ quản theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với người lao động theo hợp đồng đã ký.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực đã phân công.

- **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của TT – Tài chính kế toán, tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác và chế độ tài chính của Công ty.

- **Các phòng ban chức năng:**

Công ty có 09 Trung tâm và 09 Xí nghiệp sản xuất.

- **Trung tâm Tài chính – Kế toán**

Phụ trách công tác tài chính kế toán; Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh đầu tư, giám sát tài chính, sử dụng các nguồn lực tài chính hiệu quả. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền và theo chuẩn mực kế toán của Luật kế toán.

- **Trung tâm thương mại**

- Có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty hoạch định, xúc tiến thương mại với các đối tác khách hàng nước ngoài và các khách hàng có vốn nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

- Bán hàng nội địa, cung cấp vật tư, giao hàng, quản lý vật tư và hệ thống khách hàng.

- **Trung tâm Công nghệ thiết kế**

- Thực hiện công tác kỹ thuật đáp ứng khách FDI, phụ tùng xe máy, vòng bi.

- Thiết kế kỹ thuật, công nghệ các sản phẩm cơ khí chế tạo.

- **Trung tâm Công nghệ cơ khí xuất khẩu**

- Thiết kế kỹ thuật, công nghệ các sản phẩm cơ khí xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

- **Trung tâm Nghiên cứu và phát triển (R&D)**

- Nghiên cứu phát triển công nghệ, thiết bị mới, tự động hóa.

- Thực hiện công tác đấu thầu mua sắm bổ sung thiết bị, nhà xưởng...

- Sửa chữa, quản lý thiết bị sản xuất.

- **Trung tâm kỹ thuật thiết bị năng lượng**

- Sửa chữa, quản lý thiết bị trong sản xuất.

- **Trung tâm Giám sát kế hoạch chất lượng**

- Quản lý hệ thống chất lượng, giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng.

- **Trung tâm Pháp Chế**

- Tham gia soạn thảo, đàm phán các giao dịch của Công ty với các đối tác trong nước và

nước ngoài; kiểm soát về nội dung, hình thức, thủ tục các hợp đồng, giao dịch dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động;

- Xây dựng, rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định của Công ty.

• Các xí nghiệp sản xuất

Chức năng chủ yếu của các Xí nghiệp sản xuất trực tiếp là thực hiện sản xuất sản phẩm theo kế hoạch Công ty đề ra. Quản lý nguồn lực Công ty giao (tài sản, vật tư, thiết bị, lao động...), phối hợp với các bộ phận chức năng trong Công ty nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, năng lượng để giảm chi phí sản xuất, giá thành xí nghiệp nhằm đạt mục tiêu chung của Công ty đề ra.

Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng FOMEKO thành một trong những doanh nghiệp được tin nhiệm nhất Việt Nam về: Quản lý tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất, văn hóa doanh nghiệp tiên tiến và đáng tin cậy trong môi trường kinh doanh.

- Không ngừng đầu tư nâng cấp cải tiến hệ thống cơ sở vật chất, con người; liên doanh liên kết mở rộng thị trường tập trung vào dòng sản phẩm chất lượng cao, hàm lượng công nghệ vượt trội, giá cả cạnh tranh, nâng cao vị thế của Công ty với các đối tác trong và ngoài nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Sản xuất đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm chuyên môn hóa một số mặt hàng xuất khẩu có chất lượng và giá trị cao. Lấy chất lượng và hiệu quả kinh doanh làm thước đo cho sự phát triển.

- Giữ vững và nâng cao thị phần tại các thị trường truyền thống, phát triển thương hiệu FOMEKO là thương hiệu uy tín trên thị trường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Xây dựng chiến lược lâu dài trong công tác đầu tư đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu khách hàng thì Công ty mới phát triển bền vững.

- Công ty xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030, FOMEKO luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực gia công cơ khí của Việt Nam, luôn là bạn đồng hành tin cậy góp phần vào sự thành công và phát triển của khách hàng trong và ngoài nước.

* Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm có thế mạnh của Công ty, mở rộng thị trường đặc biệt là thị trường xuất khẩu.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho phát triển bền vững.



- Bên cạnh phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng và quan tâm đóng góp cho xã hội, bảo vệ giữ gìn môi trường.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ, có tay nghề giỏi, có ý thức tổ chức kỷ luật cao trong lao động sản xuất; chăm lo nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động.

- Tổ chức sản xuất an toàn gắn liền với việc quản lý bảo vệ môi trường, trách nhiệm với cộng đồng và tích cực tham gia công tác xã hội từ thiện.

5. Các rủi ro:

Rủi ro nền kinh tế: Kể từ khi tiến hành đổi mới, mở cửa để hội nhập với thế giới với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia một loạt các Hiệp định song phương, đa phương thì những biến động của nền kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam

Tình hình Kinh tế Thế giới bất ổn, cuộc xung đột ở Ukraine tiếp tục làm mất ổn định nền kinh tế toàn cầu một cách mạnh mẽ.

Rủi ro về pháp luật: Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vì vậy, Pháp luật và các chính sách của nước ta thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn và thông lệ Quốc tế. Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động luôn phải đối mặt với các rủi ro biến động chính sách và quy định pháp luật. Mỗi sự thay đổi của chính sách pháp luật của Nhà nước, chính sách của các hiệp hội... đều tác động ít nhiều đến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về lạm phát: Sự biến động của chính trị trên thế giới cũng dẫn tới lạm phát gây ảnh hưởng không nhỏ đến tỷ giá, giá cả nguyên vật liệu, nhân công, các chi phí đầu vào. Việc lạm phát biến động tăng có thể gây khó khăn cho Công ty trong chiến lược kinh doanh.

Rủi ro về cạnh tranh: Trong thời gian gần đây, ngành cơ khí luôn chịu áp lực cạnh tranh cả trong và ngoài nước. FOMECO ngoài phải chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, chia sẻ sản lượng với các nhà cung cấp khác và còn chịu sự cạnh tranh rất gay gắt các đối thủ từ Trung Quốc.

Rủi ro về nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực là một trong những nguồn đầu vào quan trọng đối với tất cả doanh nghiệp hiện nay. Trên địa bàn tỉnh Thái nguyên, hiện tại có rất nhiều doanh nghiệp lớn cạnh tranh nguồn lực lao động với FOMECO như Samsung, Z31, các nhà máy trong khu công nghiệp Điềm Thụy, khu công nghiệp Sông Công 2 ...

Rủi ro đặc thù: Công ty hoạt động trong sản xuất lĩnh vực công nghiệp nên có những rủi ro về tai nạn lao động nghề nghiệp, rủi ro cháy nổ, nếu không làm tốt công tác an toàn lao động và thực hiện bảo hiểm cho người lao động thì có thể gây ra tổn thất lớn cho Công ty. Thêm vào đó, một số sản phẩm của công ty được sản xuất dựa vào nguyên vật liệu được nhập khẩu từ nước ngoài, chính vì vậy khi giá nguyên vật liệu biến động mạnh có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	19,2 tỷ	24 tỷ	125 %
II	Doanh thu công nghiệp	Tỷ đồng	875 tỷ	1098 tỷ	125,5 %
III	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	34,9 tỷ	65,9 tỷ	188,9%
IV	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	804,8 tỷ	921,8 tỷ	114,5%
V	Lao động và thu nhập				
1	- Lao động bình quân	Người	970	987	101,8 %
2	- Thu nhập bình quân	Triệu/ng/th	16.2	19.3	119,1 %

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Giám đốc - Nguyễn Đức Chung

- + Họ và tên: Nguyễn Đức Chung Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 20/10/1982
- + Số căn cước công dân: 019082004363
- Ngày cấp: 11/8/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- + Nơi sinh: Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên
- + Địa chỉ thường trú: Phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
- + Chỗ ở hiện tại: Phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ hóa học
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2022: 669.900 cổ phần trong đó
- + Sở hữu cá nhân: 3.900 Cổ phần
- + Đại diện Sở hữu: 666.000 Cổ phần
- + Quá trình công tác:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2004-03/2008	Công ty TNHH Bút chì Mitsubishi Việt Nam	Trưởng phòng quản lý sản xuất
04/2008-11/2010	Công ty TNHH GES Việt Nam	Trưởng ban quản lý dự án
11/2010-12/2012	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Giám đốc trung tâm
01/2013-06/2014	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Trợ lý Giám đốc Công ty
07/2014-04/2019	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Công ty
04/2019-05/2021	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty
05/2021-nay	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty

2.1.2 Phó Giám đốc - Lê Văn Khanh

- + Họ và tên: **Lê Văn Khanh** Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 17/10/1976
- + Số căn cước công dân: 019076018647
- Ngày cấp: 17/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- + Nơi sinh: Túc Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Mai động, Kim Động, Hưng Yên
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 2A, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- + Chỗ ở hiện tại: Tổ 2A, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2022: 11.070 cổ phần
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002 ~12/2003	Phòng Công nghệ - Công ty cơ khí Phổ Yên	Kỹ Thuật Viên
2003~2004	Xưởng cơ khí 3- Công ty cơ khí Phổ Yên	Quản đốc
2004~2006	Xí nghiệp cơ khí 3- Công ty CP cơ khí Phổ Yên	Giám đốc XN
2006~2010	Xí nghiệp cơ khí 2- Công ty CP cơ khí Phổ Yên	P.Giám đốc XN
2010~2015	Xí nghiệp cơ khí 2- Công ty CP cơ khí Phổ Yên	Giám đốc XN
2015~2016	TT QTĐHSX- Công ty CP cơ khí Phổ Yên	P. Giám đốc TT
2016~7/2019	Xí nghiệp cơ khí 1- Công ty CP cơ khí Phổ Yên	Giám đốc XN
7/2019 đến nay	Công ty CP cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Công ty

2.1.3 Phó Giám đốc – Đàm Duy Đức

- + Họ và tên: **Đàm Duy Đức** Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 09/10/1978
- + Số căn cước công dân: 019078000068
- Ngày cấp: 15/4/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- + Nơi sinh: Gang Thép, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- + Địa chỉ thường trú: Phường Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc
- + Chỗ ở hiện tại: Phường Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2022: 481.000 cổ phần trong đó
- + Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
- + Đại diện Sở hữu: 481.000 Cổ phần
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Tháng 6/2001 – 11/2008	Trường Trung học Công nghiệp III (Nay là trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương	- Giảng viên Khoa Điện – Tự động hóa; - Chuyên viên Phòng Đào tạo, phụ trách cơ sở Minh Trí; - Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh-Tư vấn và Giới thiệu việc làm – Trường cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên; - Bí thư đoàn trường.
Tháng 12/2008 – 4/2015	Bộ giáo dục và đào tạo	- Chuyên viên Vụ giáo dục chuyên nghiệp; - Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phó Chủ tịch Công đoàn Vụ Giáo dục chuyên nghiệp.
Tháng 4/2015 – 11/2021	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	- Chuyên viên Văn phòng tổng hợp; - Phó Chánh Văn phòng tổng hợp; - Phó trưởng Phòng Pháp chế; - Phó Chánh văn phòng HĐQT; - Chánh Văn phòng HĐQT.
11/2021 - nay	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	- Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty

2.1.4 Kế toán trưởng – Nguyễn Thị Hồng Thắm

- + Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Thắm** Giới tính: Nữ
- + Ngày tháng năm sinh: 11/04/1979
- + Số căn cước công dân: 019179009943
- Ngày cấp: 27/6/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- + Nơi sinh: Bệnh Viện Phổ Yên, Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
- + Địa chỉ thường trú: Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, Thái Nguyên
- + Chỗ ở hiện tại: Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, Thái Nguyên
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2022: 5.000 cổ phần
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2001-11/2003	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Nhân viên kế toán
12/2003-06/2014	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Phó phòng kế toán
07/2014- Nay	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Kế toán trưởng

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng cán bộ nhân viên : Tổng số lao động trong Công ty đến ngày 31/12/2022 là 993 người. Trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 39 người
- + Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ: 177 người
- + Công nhân lao động: 777 người

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong phát triển, Công ty luôn đặc biệt chú trọng tới chế độ làm việc, lương thưởng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đảm bảo trang bị mọi điều kiện tốt nhất cho người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty thực hiện các chế độ BHXH, trang bị bảo hộ cho người lao động, tổ chức các lớp huấn luyện ATLĐ, mở các lớp đào tạo cho người lao động; công tác tuyển dụng, chấm dứt HĐLĐ, nghỉ phép, tăng ca ... thực hiện đúng quy định Pháp luật, quy chế, quy định Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Hội đồng quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 29/08/2022 về việc thông qua kế hoạch đầu tư năm 2022.

Trong đó:

- Chương trình đầu tư năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022: Gồm 5 chương trình
 - Giá trị đầu tư chuyển tiếp: 9,72 tỷ đồng
- Chương trình đầu tư mới năm 2022: Gồm 31 chương trình.
 - Giá dự kiến đầu tư: 42,78 tỷ đồng.
 - + Nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2022: 35,46 tỷ đồng.
 - + Nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2023: 7,32 tỷ đồng.

Thực hiện:

• Chương trình đầu tư năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022:
Đến ngày 31/12/2022, Fomeco đã đầu tư hết phần chuyển tiếp từ năm 2021 sang năm 2022 bao gồm 10 chương trình, tổng giá trị hoàn thành: 9,72 tỷ đồng.

- Chương trình đầu tư mới năm 2022:

Đến ngày 30/12/2022, Fomeco đã đầu tư được: 10 chương trình, Tổng giá trị hoàn thành: 10,434 tỷ đồng.

Đề nghị chuyển tiếp chương trình đầu tư năm 2022 thực hiện năm 2023: 21 chương trình tương đương 31,331 tỷ đồng.

Các thiết bị đầu tư có xuất xứ từ các nước công nghiệp phát triển như Nhật, Hàn Quốc, Đài loan, Trung Quốc được tự động hóa cao. Thiết bị đầu tư đã đảm bảo được việc nâng cao chất lượng, sản lượng, phát triển mặt hàng mới, công nghệ mới cho các sản phẩm của các doanh nghiệp FDI và xuất khẩu.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

<i>Đơn vị tính: Đồng</i>			
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
1	2	3	4=2/3
Tổng giá trị tài sản	424.049.046.470	368.031.061.970	115,2 %
Doanh thu thuần	1.309.864.487.821	1.065.285.656.352	123 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	82.521.421.981	39.186.745.307	210,6 %
Lợi nhuận khác	(84.253.228)	3.237.476.952	-102,6 %
Lợi nhuận trước thuế	82.437.168.753	42.424.222.259	194,3 %
Lợi nhuận sau thuế	65.886.297.393	33.804.895.252	194,9 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Dự kiến 100%	65%	153,8 %



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Giá trị sổ sách của công ty thời điểm 31/12/2022:

<i>Đơn vị tính: Đồng</i>		
Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2021
TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	342.023.972.411	281.656.191.895
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	97.138.779.385	66.729.054.260
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	135.812.071.164	120.532.943.197
3. Hàng tồn kho	60.611.239.579	65.160.757.782
4. Tài sản ngắn hạn khác	18.271.361.735	9.233.436.656
B. Tài sản dài hạn	82.025.074.059	86.374.870.075
1. Tài sản cố định	64.322.793.213	76.354.972.733
2. Tài sản dở dang dài hạn		
3. Đầu tư tài chính dài hạn	149.822.302	149.822.302
Tổng cộng tài sản	424.049.046.470	368.031.061.970
NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	280.650.624.459	251.536.926.751
1. Nợ ngắn hạn	272.126.400.143	242.351.916.975
2. Nợ dài hạn	8.524.224.316	9.185.009.776
B. Vốn chủ sở hữu	143.398.422.011	116.494.135.219
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.000.000.000	37.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		
3. Cổ phiếu quỹ		
4. Quỹ đầu tư phát triển	3.512.124.618	3.512.124.618
5. Quỹ dự phòng tài chính		
6. Lợi nhuận chưa phân phối	102.886.297.393	75.982.010.601
Tổng cộng nguồn vốn	424.049.046.470	368.031.061.970

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,26	1,16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,03	0,89

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	66,18	68,35
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	195,71	215,92
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	17,85	20,97
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	3,31	3,13
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,03	3,17
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	45,95	29,02
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	15,54	9,19
Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	6,3	3,68

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.700.000 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.700.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	222	3.700.000	100%
* Cá nhân	221	1.813.000	49%
* Tổ chức	1	1.887.000	51%
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
* Cá nhân	0	0	0%
* Tổ chức	0	0	0%
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	222	3.700.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỖ YÊN

Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số ĐKKD/ CMND (CCCD)	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn					
1	TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP	X	X	0100103866	Đăng ký lần đầu: ngày 06/10/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 01/7/2020	1.887.000	51%	
2	HOÀNG CÔNG TOÁN		X	034054010671	25/6/2021	508.480	13,743%	
3	HÀ THẾ DŨNG		X	034061014127	11/8/2021	256.480	6,932%	
4	VƯƠNG QUỐC CHÍNH		X	019085003978	11/8/2021	223.610	6,043%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng khí phát thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp (Thông qua việc sử dụng Điện, dầu, than đá, xăng, LPG, nước thải) của FOMECO trong năm 2022 là: 10.910 tấn CO₂.

Tổng khí phát thải nhà kính (GHG) của FOMECO trong năm 2022: 10.306 tấn CO₂ (Sau khi đã trừ nguồn hấp thụ khí CO₂ từ khoảng gần 500 cây xanh được trồng tại FOMECO).

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là: 11.366 tấn sắt thép. Trong đó hầu hết được tiêu hao vào sản phẩm không có tái chế sử dụng.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Tổng lượng điện năng tiêu thụ trong năm 2022: 12.882.450 KWh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Trong năm 2022 toàn công ty đã sử dụng năng lượng điện thấp hơn năm 2021 là 7%.

6.4. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước chính của FOMECO là của Công ty CP nước sạch Thái Nguyên và từ 05 giếng khoan tại Công ty. Trong năm tổng nguồn nước tiêu thụ là 24.841 m³.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng lao động bình quân sử dụng: 987 người

Thu nhập bình quân: 19,32 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn có chính sách quan tâm đến sức khỏe, an toàn cho người lao động và thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách cho người lao động theo luật định.

Hàng năm người lao động được khám sức khỏe định kỳ và bố trí lao động theo sức khỏe hợp lý; các điều kiện làm việc của người lao động được cải thiện; Công ty đã xây dựng các sân chơi văn hóa thể thao lành mạnh, bổ ích cho Cán bộ công nhân viên và thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.

Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

Mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài và diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và thành phố Phổ Yên, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động chung của Công ty cũng như việc tổ chức, triển khai các khóa đào tạo nói riêng. Tuy nhiên, năm 2022, Bộ phận đào tạo đã tích cực, chủ động phối hợp các đơn vị trong và ngoài Công ty tổ chức hơn 30 khóa học nâng cao kỹ năng, tay nghề, bổ trợ kiến thức chuyên sâu, cập nhật tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, cấp chứng chỉ các nghề bổ sung cho công nhân, hệ thống đào tạo lưu trữ hồ sơ cho các đơn vị sản xuất, đào tạo người mới... Hình thức tổ chức được thực hiện theo các khóa ngắn hạn, trực tiếp tại hiện trường, tập trung, thực hành thực địa kết hợp với đào tạo qua phần mềm trực tuyến zoom vào thời điểm những tháng đầu năm khi dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp.

Tổng số khóa đào tạo đã thực hiện: 35 khóa (Trong đó đào tạo nội bộ: 17 khóa, đào tạo bên ngoài: 18 khóa) với tổng kinh phí đào tạo năm 2022: 652.573.000đ

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Hoạt động chủ yếu liên quan đến việc đóng góp cho các quỹ địa phương như: Quỹ bảo trợ trẻ em. Quỹ nạn nhân chất độc da cam Dioxin Thành phố Phổ Yên năm 2022. Hỗ trợ kinh phí hội viên cựu TNXP Thành phố Phổ Yên có hoàn cảnh khó khăn....

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 trong nước vẫn diễn biến phức tạp trong những tháng đầu năm làm thâm hụt nguồn lao động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh; các chi phí sản xuất tăng cao do giá nguyên vật liệu tăng, các chi phí vận tải tăng do vậy ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận của Công ty, thêm vào đó là những biến động của nền kinh tế vĩ mô do hệ quả của dịch bệnh Virus Corona (COVID-19) đã gây ảnh hưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

đến nền kinh tế thế giới nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến của thị trường, đưa ra các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các bước đi được thực hiện một cách cẩn trọng và được điều chỉnh dựa trên tình hình kinh tế vĩ mô.

Hiện nay trên cả nước có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất công nghiệp, cụ thể trong lĩnh vực cơ khí chế tạo và sản xuất ra các sản phẩm cơ khí. Tuy nhiên, với bề dày kinh nghiệm cũng như uy tín trên thị trường Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên tự hào là một trong số các đơn vị dẫn đầu trong sản xuất cơ khí chế tạo, luôn được các đối tác tin tưởng và ký kết hợp đồng lâu dài như các hãng YAHAMA, HONDA, JOTO, TANAKA, FUKUVI, NAKA, TECHNO... Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm, chính sách về giá, hậu mãi cũng được chú trọng và được khách hàng tin tưởng đón nhận.

Năm 2022, Ban điều hành FOMECO đưa ra các giải pháp linh động và hiệu quả, giữ vững các hoạt động sản xuất kinh doanh của FOMECO được ổn định, các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của FOMECO đều đạt và vượt kế hoạch đề ra theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1	Doanh thu BH và CCDV	1.311.130.393.036	1.066.418.638.648
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.265.905.215	1.132.982.296
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	1.309.864.487.821	1.065.285.656.352
4	Giá vốn hàng bán	1.122.205.287.640	946.403.080.503
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	187.659.200.181	118.882.575.849
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.967.668.755	3.168.715.407
7	Chi phí tài chính	2.146.331.982	721.816.707
8	Chi phí bán hàng	28.140.055.329	18.664.783.609
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	81.819.059.644	63.477.945.633
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	82.521.421.981	39.186.745.307
11	Thu nhập khác	274.696.045	3.465.775.021
12	Chi phí khác	358.949.273	228.298.069
13	Lợi nhuận khác	(84.253.228)	3.237.476.952
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.437.168.753	42.424.222.259

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2022:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022 (VNĐ)
I	Tài sản ngắn hạn	342.023.972.411
II	Tài sản dài hạn	82.025.074.059
	Tổng cộng	424.049.046.470

Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2022:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022 (VNĐ)
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	131.590.481.658
2	Trả trước cho người bán	2.956.777.290
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.536.048.899
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(271.236.683)
	Tổng cộng	135.812.071.164

Cơ cấu tài sản của Công ty trong những năm qua đã phát huy được năng suất, hiệu quả của việc đầu tư, tuy nhiên do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên tài sản cố định vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

Tình hình thu hồi công nợ của Công ty tốt. Các khoản nợ phải thu khó đòi chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số nợ phải thu.

b) Tình hình nợ phải trả

Dư nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022 (VNĐ)
I	Nợ ngắn hạn	272.126.400.143
II	Nợ dài hạn	8.524.224.316
	Tổng cộng	280.650.624.459

Công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022 (VNĐ)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	131.220.500.070
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	89.601.500
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	6.999.532.858



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022 (VND)
4	Phải trả người lao động	90.445.100.467
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.823.075.477
6	Phải trả ngắn hạn khác	9.538.890.105
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	855.514.204
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31.154.185.432
	Tổng cộng	272.126.400.143

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục duy trì quản trị chi phí tại các xí nghiệp. Ổn định sản xuất tại các xí nghiệp, điều chuyển lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các trung tâm, xí nghiệp.

Trả lương cho người lao động quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Công tác thị trường

+ Đối với phụ tùng xe máy: Tiếp tục bổ sung thêm nguồn lực về thiết bị, ổn định, nâng cao chất lượng đảm bảo cho việc tăng sản lượng và phát triển mặt hàng mới của HONDA, YAMAHA,

+ Đẩy mạnh xuất khẩu phụ tùng xe máy sang Malaysia, Ấn Độ, Indonesia.

+ Hàng cơ khí xuất khẩu: Nâng cao chất lượng, ổn định sản lượng đối với hàng xuất khẩu

+ Đối với tiêu thụ nội địa: Vòng bi, phụ tùng xe máy: Đánh giá lại nhu cầu thị trường, kiện toàn lại hệ thống đại lý, điều chỉnh linh hoạt giá bán nội địa đối với vòng bi, phụ tùng xe máy. Đa dạng hóa nguồn hàng, phương thức tiếp thị, khuyến mại.

+ Tăng cường quảng cáo, kiện toàn lại hệ thống tiêu thụ nội địa.

+ Phát triển thêm các chủng loại, sản lượng vòng bi cung cấp cho các nhà sản xuất vòng bi như KVN...

+ Phát triển các sản phẩm mới về phụ tùng Ô tô xuất khẩu và các sản phẩm khác có nhu cầu sử dụng công nghệ xử lý bề mặt

- Công tác quản trị chất lượng, giảm chi phí trong SXKD

+ Hoàn thiện hệ thống đánh giá chất lượng theo GQI tại các đơn vị, tăng cường quản trị mặt bằng, hệ thống; giảm sản phẩm NG.

+ Tính toán và điều hành cho được nhịp sản xuất tại từng công đoạn theo phương thức

sản xuất kéo.

- + Hoàn thành bộ tiêu chuẩn và triển khai đánh giá các nhà cung cấp đầu vào theo QCD.
- + Tập trung quản lý, xử lý hiện trường sản xuất theo 4M, các điểm thay đổi.
- + Thực hiện tốt việc duy trì, cải tiến chương trình 3D-5S; KAIZEN Showcase.

- Công tác quản trị tài sản cố định

- + Ban hành quy định lập kế hoạch, sửa chữa thiết bị.
- + Cải tiến hoàn thiện quy định quản lý, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định.
- + Tiếp tục chiến lược phát triển tự động hóa ở tất cả các công đoạn sản xuất.
- + Đầu tư các thiết bị mới để ổn định chất lượng, tăng sản lượng, phát triển thêm các sản phẩm mới.

- Phát triển sản phẩm mới:

- + Tiếp tục khai thác phát triển sản phẩm mới về ô tô.
- + Mở rộng thêm thị trường Xuất khẩu gia công các chi tiết chính xác.
- + Đa dạng hóa sản phẩm cơ khí xuất khẩu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán :

Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã tiêu thụ nước, năng lượng một cách tiết kiệm, hiệu quả. Xử lý chất thải tốt không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: thực hiện tốt công tác an ninh trật tự hỗ trợ người nghèo tại địa phương; công tác đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện, ủng hộ của quỹ người nghèo, lũ lụt ...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất, doanh thu bán hàng, lợi nhuận đã đạt được theo kế hoạch đã đề ra. Đảm bảo tốt nghĩa vụ đối với môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trước những diễn biến phức tạp của thị trường Ban Giám đốc đã thực hiện chủ trương của ĐHCĐ, của HĐQT bằng những giải pháp và hành động cụ thể để điều hành sản xuất kinh doanh. Huy động mọi nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh có hiệu quả, ổn định và phát triển thị trường trong và ngoài nước, đưa công ty phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Ban giám đốc Công ty đã chuẩn bị tốt các nội dung báo cáo hàng quý, năm trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt. Tổ chức và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn trong việc lãnh đạo quản lý, điều hành theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2023 tiếp tục là một năm rất khó khăn đặt ra cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty một thách thức mới khi nền kinh tế của trong nước và quốc tế có nhiều khó khăn “bao trùm”, thị trường đầu ra và thị trường đầu vào diễn biến khó lường. Các doanh nghiệp FDI rất quyết liệt trong giảm giá, các chính sách của Nhà nước về tiền lương cơ bản, BHXH, tiền điện tăng... vật tư cho sản xuất vẫn giữ ở mức cao, chưa có dấu hiệu giảm. Áp lực giảm giá, chia sẻ sản lượng của khách hàng trong và ngoài nước.

Trước những khó khăn trên, để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, đảm bảo duy trì nguồn nhân lực của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng kế hoạch, định hướng trong năm 2023 và các năm tiếp theo:

a) Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

b) Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển đáp ứng mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty

c) Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đạt được các mục tiêu định hướng của Công ty trong năm 2023.

d) Hội đồng quản trị tiếp tục theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

đ) Bảo toàn và phát triển vốn, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty.

e) Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.

V. Quản trị công ty**1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch HĐQT	20 %
2	Ông Nguyễn Đức Chung	Thành viên HĐQT	18,105 %
3	Ông Hoàng Công Toán	Thành viên HĐQT	13,743 %
4	Ông Đàm Duy Đức	Thành viên HĐQT	13 %
5	Ông Vương Quốc Chính	Thành viên HĐQT	6,044%
6	Ông Hà Thế Dũng	Nguyên thành viên HĐQT	6,932 %

Những thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị trong năm 2022: Ngày 28/04/2022 Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. Ông Vương Quốc Chính được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027; Ông Hà Thế Dũng thôi làm thành viên HĐQT từ ngày 28/4/2022.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã thực hiện việc chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc và cán bộ quản lý khác thông qua việc đánh giá thực hiện các quy chế, quy định, kế hoạch thể hiện tại các biên bản họp HĐQT. Theo định kỳ HĐQT yêu cầu Giám đốc lập báo cáo sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các nghị quyết của HĐQT, những khó khăn, thuận lợi trong công tác điều hành, trên cơ sở đó nắm được tình hình để HĐQT tổ chức xem xét, đánh giá kết quả điều hành, khắc phục tồn tại.

HĐQT chỉ đạo, giám sát một số hoạt động của Ban giám đốc công ty FOMECO như sau:

- Ban Giám đốc đã phối hợp với HĐQT triển khai và thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;

- Ban Giám đốc chủ động điều hành bám sát các mục tiêu, kế hoạch của ĐHĐCĐ năm 2022 trên cơ sở điều lệ, các quy chế quản trị, quản lý nội bộ và các nghị quyết của HĐQT;

- Ban giám đốc đã chủ động báo cáo HĐQT xem xét, xử lý các tồn tại trong quá trình quản lý, điều hành từ các năm trước;

- Công bố thông tin và nộp báo cáo theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

* Nội dung các cuộc họp HĐQT trong năm 2022 và kết quả:

TT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Kết quả
1	24/01/2022	<ol style="list-style-type: none">1. Xem xét báo cáo hoạt động SXKD năm 2021 và KH năm 2022.2. Xem xét Báo cáo thực hiện đầu tư năm 2021 và kế hoạch năm 2022.3. Xem xét Báo cáo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT đã ban hành trong năm 2021.4. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình công tác năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của HĐQT.5. Các hoạt động chuẩn bị phục vụ công tác thanh tra Bộ công thương.	100% tán thành
2	22/3/2022	<ol style="list-style-type: none">1. Tạm thời Thông qua chương trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.2. Tạm thời Thông qua quỹ lương thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022.	
3	28/4/2022	Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.	
4	21/5/2022	<ol style="list-style-type: none">1. Xem xét Báo cáo kết quả SXKD 3 tháng đầu năm 2022 và KH 9 tháng cuối năm 2022.2. Xem xét kế hoạch đầu tư năm 2022.3. Thông qua dự thảo phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT.4. Thông qua thời gian chi trả cổ tức năm 2021.5. Thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan (VEAM).6. Thông qua dự thảo chi trả tiền lương, thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2022.7. Xem xét Tài sản cố định thiếu sau kiểm kê.	
5	27/6/2022	<ol style="list-style-type: none">1. Xem xét các vấn đề liên quan đến việc thu hồi đất tại khu tập thể CBCNV Công ty.2. Thông qua giao dịch, hợp đồng mua bán với người liên quan (VEAM).	
6	27/8/2022	<ol style="list-style-type: none">1. Xem xét báo cáo hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022.2. Xem xét báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 và KH đầu tư năm 2022. Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư 6 tháng đầu năm 2022 và KH 6 tháng cuối năm 2022.3. Xem xét báo cáo kết quả về xử lý tài sản cố định thiếu sau kiểm kê.	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

TT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Kết quả
		4. Thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. 5. Thực hiện kết luận của Thanh tra Bộ công thương tại Kết luận Thanh tra số 4572/KT-BCT.	
7	11/11/2022	1. Xem xét báo cáo hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2022. 2. Xem xét kết quả thực hiện đầu tư 9 tháng đầu năm 2022 và tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư 3 tháng cuối năm 2022. 3. Xem xét quy trình bảo trì, sửa chữa công trình. 4. Xem xét đầu tư hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại Công ty. 5. Xem xét kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng người lao động, quỹ phúc lợi năm 2022. 6. Báo cáo của GD về việc thanh lý tài sản của Công ty. 7. Báo cáo của GD về tình hình sử dụng và quản lý đất đai tại Công ty. 8. Xem xét về chủ trương tăng vốn điều lệ. 9. Xem xét quy trình Quy hoạch nhân sự; Quy trình bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT.	
8	30/12/2022	1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện chương trình công tác năm 2022, kế hoạch năm 2023. 2. Xem xét báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023; kế hoạch doanh thu – chi phí năm 2023. 3. Xem xét về công tác đầu tư, sửa chữa: <ul style="list-style-type: none"> - Họp rút kinh nghiệm trong công tác đầu tư năm 2021. - Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2022 và kế hoạch chuyển tiếp đầu tư năm 2022 sang năm 2023. - Báo cáo kế hoạch đầu tư mới năm 2023. - Báo cáo kế hoạch sửa chữa tài sản cố định năm 2023. 4. Xem xét các quy chế, quy trình: <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế đầu tư, mua sắm, sửa chữa và thanh lý tài sản cố định. - Quy trình Quy hoạch nhân sự; Quy trình bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT. - Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (sửa đổi, bổ sung). 5. Xem xét về công tác đất đai: <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Giám đốc về việc thu hồi đất tại Khu tập thể CBCNV của Fomeco. 	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

TT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Kết quả
		<p>- Báo cáo của Giám đốc công ty về việc thực hiện kiến nghị của thanh tra Bộ Công Thương tại Kết luận thanh tra số 4572/KL-BCT ngày 04/8/2022 và kế hoạch sử dụng đất chưa sử dụng theo kiến nghị của Thanh tra Bộ Công Thương.</p> <p>6. Báo cáo của Giám đốc về kế hoạch hành động và việc tổ chức thực hiện các Danh mục rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Fomeco theo Nghị quyết 158/NQ-HĐQT ngày 02/12/2022 của HĐQT VEAM.</p>	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng BKS	0,08%
2	Vũ Ngọc Hùng	Thành viên BKS	0,013%
3	Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS	0,27%
4	Lê Ngọc Thanh	Nguyên trưởng BKS	
5	Trần Thị Thúy Hằng	Nguyên thành viên BKS	0,016%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ hoạt động.

- Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2022, cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2022 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.

+ Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

+ Trong năm 2022 Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2022.

* Số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát: 03

+ Nội dung cuộc họp lần 1:

Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 và việc triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, công tác quản trị của HĐQT và Ban Giám đốc, đưa ra kiến nghị và đề ra kế hoạch hoạt động của năm 2022.

Tại cuộc họp, Ban kiểm soát đã xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung cụ thể như sau: Qua kiểm tra báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam, Ban kiểm soát nhận thấy báo cáo tài chính được trình bày đầy đủ thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2021 theo đúng Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ban kiểm soát nhận thấy Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt.

Công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban giám đốc đã tuân thủ quy định pháp lý liên quan đến hoạt động SXKD cũng như phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Đưa ra kế hoạch hoạt động năm 2022.

+ Nội dung cuộc họp lần 2:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 họp bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

+ Nội dung cuộc họp lần 3:

Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022 và việc triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên đồng thời đề ra kế hoạch hoạt động của 6 tháng cuối năm 2022. Tại cuộc họp, Ban kiểm soát đã xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung cụ thể như sau: Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022 được trình bày đầy đủ thông tin về các sự kiện trong 6 tháng năm 2022 theo đúng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Công tác quản lý điều hành của HĐQT và BGD phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Kế hoạch 6 tháng cuối năm: Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng BDH	Phụ cấp HDQT / BKS	Tổng
Lê Minh Phương	Chủ tịch HĐQT		110.000.000	144.000.000	254.000.000
Nguyễn Đức Chung	Thành viên HDQT – Giám đốc Công ty	1.847.438.600	110.000.000	96.000.000	2.053.438.600
Đàm Duy Đức	Thành viên HDQT- Phó Giám đốc Công ty		75.000.000	96.000.000	171.000.000
Lê Văn Khanh	Phó Giám đốc Công ty	1.370.193.600	75.000.000		1.445.193.600
Nguyễn Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng	1.350.668.000	75.000.000		1.425.668.000
Hoàng Công Toán	Thành viên HDQT		75.000.000	96.000.000	171.000.000
Vương Quốc Chính	Thành viên HDQT		40.000.000	64.000.000	104.000.000
Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng BKS	161.795.000	25.000.000		186.795.000
Vũ Ngọc Hùng	Thành viên BKS		6.500.000	16.000.000	22.500.000
Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS		10.000.000	24.000.000	34.000.000
Hà Thế Dũng	Nguyên Thành viên HDQT		35.000.000	32.000.000	67.000.000
Lê Ngọc Thanh	Nguyên Trưởng BKS	77.800.000	20.000.000		97.800.000
Trần Thị Thúy Hằng	Nguyên Thành viên BKS		3.500.000	8.000.000	11.500.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đã được đăng tải trên trang công bố thông tin của UBCKNN, SGDCCKHN và website của Công ty (www.fomeco.vn).

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 03 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

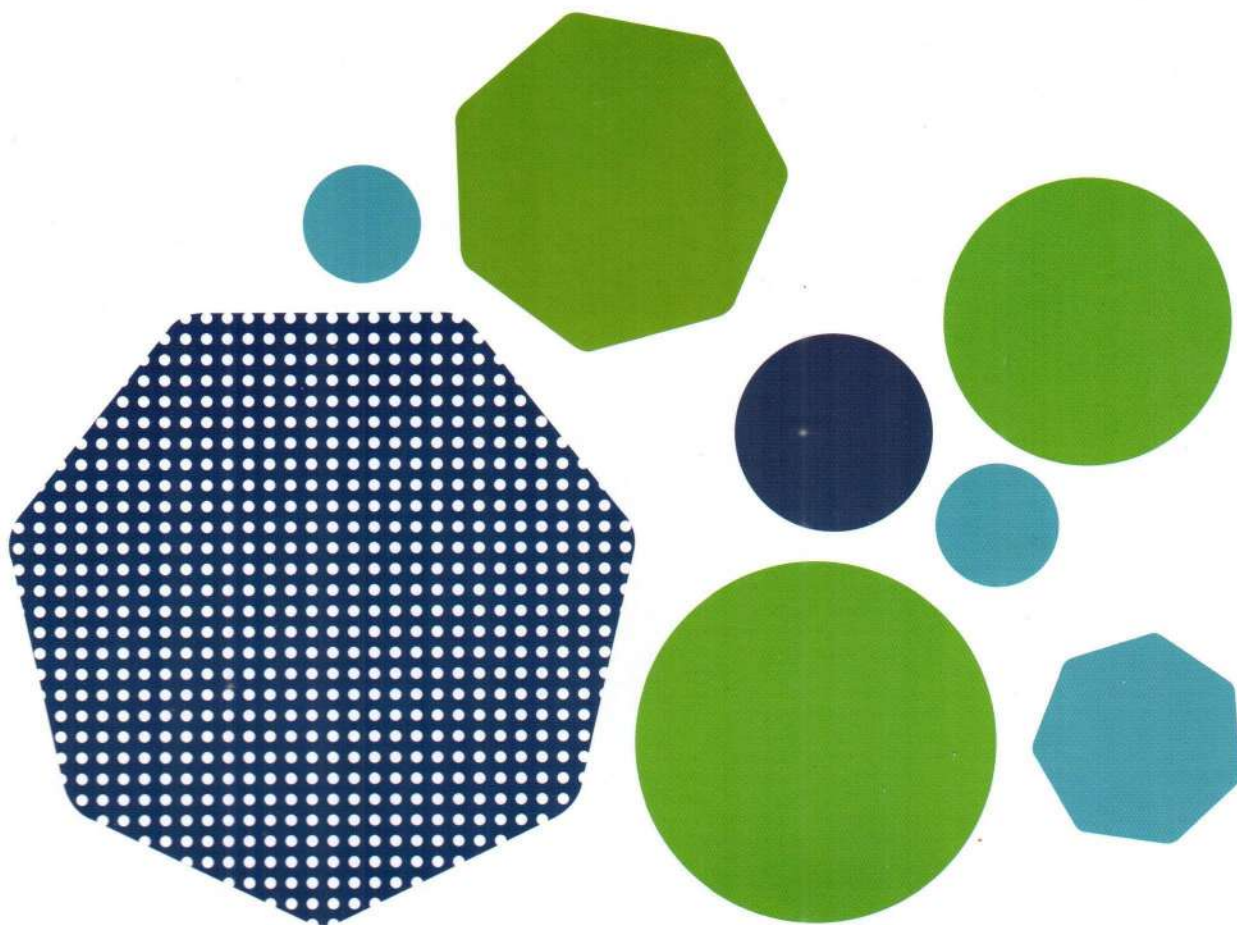


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Chung



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng
phát triển thịnh vượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Chung	Thành viên	
Ông Đàm Duy Đức	Thành viên	
Ông Hoàng Công Toán	Thành viên	
Ông Vương Quốc Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Hà Thế Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Chung	Giám đốc
Ông Lê Văn Khanh	Phó Giám đốc
Ông Đàm Duy Đức	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này là ông Nguyễn Đức Chung, chức danh Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Chung

Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Số. 105/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01/03/2023, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 04/03/2022 theo báo cáo kiểm toán số 79-22/BC-TCV&E.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

1395-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		342.023.972.411	281.656.191.895
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	97.138.779.385	66.729.054.260
Tiền	111		56.477.211.023	36.396.781.472
Các khoản tương đương tiền	112		40.661.568.362	30.332.272.788
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	30.190.520.548	20.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.190.520.548	20.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.812.071.164	120.532.943.197
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	131.590.481.658	119.646.784.716
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	2.956.777.290	541.269.182
Các khoản phải thu khác	136	11	1.536.048.899	736.852.561
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(271.236.683)	(391.963.262)
Hàng tồn kho	140	13	60.611.239.579	65.160.757.782
Hàng tồn kho	141		61.028.203.406	65.743.770.752
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(416.963.827)	(583.012.970)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.271.361.735	9.233.436.656
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	142.521.261	112.184.338
Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.028.280.168	9.121.252.318
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	100.560.306	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.025.074.059	86.374.870.075
Tài sản cố định	220		64.322.793.213	76.354.972.733
Tài sản cố định hữu hình	221	14	64.322.793.213	76.354.972.733
- Nguyên giá	222		444.553.550.802	424.449.392.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(380.230.757.589)	(348.094.419.625)
Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		168.000.000	168.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(168.000.000)	(168.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	16	9.098.291.246	796.545.454
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.098.291.246	796.545.454
Đầu tư tài chính dài hạn	250		149.822.302	149.822.302
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8	149.822.302	149.822.302
Tài sản dài hạn khác	260		8.454.167.298	9.073.529.586
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	8.454.167.298	9.073.529.586
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		424.049.046.470	368.031.061.970

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		280.650.624.459	251.536.926.751
Nợ ngắn hạn	310		272.126.400.143	242.351.916.975
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	131.220.500.070	137.528.432.803
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		89.601.500	3.387.404.985
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	6.999.532.858	2.434.114.410
Phải trả người lao động	314		90.445.100.467	66.740.784.096
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.823.075.477	874.650.197
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	9.538.890.105	10.596.867.562
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	855.514.204	2.169.058.636
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.154.185.462	18.620.604.286
Nợ dài hạn	330		8.524.224.316	9.185.009.776
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	8.215.606.007	8.554.393.895
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		308.618.309	630.615.881
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.398.422.011	116.494.135.219
Vốn chủ sở hữu	410	23	143.398.422.011	116.494.135.219
Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.000.000.000	37.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		37.000.000.000	37.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.512.124.618	3.512.124.618
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.886.297.393	75.982.010.601
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		37.000.000.000	42.177.115.349
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		65.886.297.393	33.804.895.252
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		424.049.046.470	368.031.061.970

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Lê Ngọc Thanh
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Thắm
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Chung
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.311.130.393.036	1.066.418.638.648
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.265.905.215	1.132.982.296
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.309.864.487.821	1.065.285.656.352
Giá vốn hàng bán	11	27	1.122.205.287.640	946.403.080.503
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		187.659.200.181	118.882.575.849
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	6.967.668.755	3.168.715.407
Chi phí tài chính	22	29	2.146.331.982	721.816.707
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	32	28.140.055.329	18.664.783.609
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	81.819.059.644	63.477.945.633
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.521.421.981	39.186.745.307
Thu nhập khác	31	30	274.696.045	3.465.775.021
Chi phí khác	32	31	358.949.273	228.298.069
Lợi nhuận khác	40		(84.253.228)	3.237.476.952
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.437.168.753	42.424.222.259
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	16.550.871.360	8.619.327.007
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.886.297.393	33.804.895.252
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	9.942	5.101

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Lê Ngọc Thanh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Chung
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.168.442.424.581	918.931.950.080
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(828.069.203.632)	(677.028.624.281)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(192.705.191.674)	(168.320.287.035)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(11.995.498.412)	(11.490.926.862)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.431.380.365	1.119.166.660
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(43.158.257.481)	(38.189.989.205)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		96.945.653.747	25.021.289.357
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.744.963.688)	(30.867.280.749)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.017.409.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50.568.575.343)	(20.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.378.054.795	30.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.294.682.468	1.850.198.093
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.640.801.768)	(15.999.673.565)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.822.760.000)	(18.376.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.822.760.000)	(18.376.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		30.482.091.979	(9.354.884.208)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		66.729.054.260	76.190.263.585
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(72.366.854)	(106.325.117)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	97.138.779.385	66.729.054.260

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Lê Ngọc Thanh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Chung
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Nhà máy Cơ khí Phổ Yên, trực thuộc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 283 QĐ/TCNSĐT ngày 22/05/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng. Theo Quyết định số 13/2002/QĐ/BCN ngày 25/03/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) thì Nhà máy Cơ khí Phổ Yên được đổi tên thành Công ty Cơ khí Phổ Yên. Từ ngày 12/12/2003 Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1703000098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 07/05/2004, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600355393 thay đổi lần thứ 11 ngày 14/04/2022.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ của Công ty là: 37.000.000.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ đồng chẵn).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng lái);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (cân đĩa, cân treo);
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén;
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô);
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại – không bao gồm nhập khẩu các loại phế liệu, phế thải gây ô nhiễm môi trường);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại Nhà số 19 đường 36 phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
- Phần mềm quản lý	04 - 25

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng chưa được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ phát sinh và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán sau trong một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí phải trả tiền thường sáng kiến cho cán bộ công nhân viên, khoản trích công tác phí, vé cầu đường,... là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.11 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Trong đó:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4.12 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	683.056.400	484.686.400
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.794.154.623	35.912.095.072
- Các khoản tương đương tiền (*)	40.661.568.362	30.332.272.788
	97.138.779.385	66.729.054.260

(*): Là các khoản tiền gửi có kì hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,8% đến 6%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	30.190.520.548	20.000.000.000
	30.190.520.548	20.000.000.000

(*): Là các khoản tiền gửi có kì hạn 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2% đến 8%/năm.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	142.521.261	112.184.338
- Phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	142.521.261	112.184.338
Chi phí trả trước dài hạn	8.454.167.298	9.073.529.586
- Tiền thuê đất trả 1 lần (*)	8.339.461.035	8.684.542.179
- Phí bảo lãnh hợp đồng điện	5.934.221	17.802.713
- Phần mềm thiết kế các chi tiết cơ khí Solid Edge Classic	60.334.042	210.966.694
- Phần mềm enjiCAD Professional v2021- Network	48.438.000	160.218.000

(*) Theo thông báo thuê đất số 1440/TB-CT của Cục thuế Thái Nguyên ngày 07/06/2017 về đơn giá thuê đất của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên với diện tích thuê là 36.314 m², đơn giá thuê 293.000 đồng/m², thời hạn sử dụng là 30 năm 10 tháng (đến hết ngày 07/03/2047).

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	149.822.302	-	149.822.302	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa (*)	149.822.302	-	149.822.302	-

(*) Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	131.590.481.658	(271.236.683)	119.646.784.716	(391.963.262)
- Công ty Honda Việt Nam	36.844.569.493	-	31.480.226.592	-
- Hanwa Co., Ltd Japan	13.462.189.331	-	28.497.647.200	-
- Công ty TNHH TECHNO ASSOCIE Việt Nam	19.101.438.172	-	2.411.354.099	-
- Công ty TNHH Brothers Techno	22.540.528.022	-	18.649.970.857	-
- Các khách hàng khác	39.641.756.640	(271.236.683)	38.607.585.968	(391.963.262)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>	37.115.806.176	(271.236.683)	31.872.189.854	(391.963.262)

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.956.777.290	-	541.269.182	-
- Changzhou Junhe Technology Stock Co.,Ltd.	157.920.192	-	55.010.182	-
- Công ty CP Phát triển công nghệ NHC Việt Nam	-	-	126.861.000	-
- Công ty CP Thương mại dịch vụ và Tư vấn khảo sát Việt Bắc	-	-	53.200.000	-
- Công ty CP Thương mại Hà Chung	6.860.656	-	100.419.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tekkom	523.320.000	-	-	-
- NIHON RUSPERT CO.,LTD	763.186.828	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nhôm và Cơ khí Xây lắp Việt Pháp	395.054.440	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	1.110.435.174	-	205.779.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.536.048.899	-	736.852.561	-
- Lãi phải thu về cho vay	537.838.217	-	171.315.068	-
- Phải thu khác	998.210.682	-	565.537.493	-

12. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	271.236.683	-	391.963.262	-
<i>Phải thu khách hàng</i>				
- Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	271.236.683	-	391.963.262	-

13. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	27.038.958.765	-	39.630.248.209	-
- Công cụ, dụng cụ	2.008.519.546	-	1.592.269.240	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.236.366.203	-	4.192.288.353	-
- Thành phẩm	23.975.379.793	(416.963.827)	18.823.690.606	(583.012.970)
- Hàng hoá	-	-	163.237.137	-
- Hàng gửi đi bán	768.979.099	-	1.342.037.207	-
	61.028.203.406	(416.963.827)	65.743.770.752	(583.012.970)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	73.794.035.359	327.966.357.521	20.104.262.557	1.441.258.121	1.143.478.800	424.449.392.358
- Mua trong năm	-	14.535.740.634	-	-	-	14.535.740.634
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.646.706.810	-	-	-	-	4.646.706.810
- Tăng khác	-	921.711.000	-	-	-	921.711.000
31/12/2022	78.440.742.169	343.423.809.155	20.104.262.557	1.441.258.121	1.143.478.800	444.553.550.802
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2022	47.304.280.033	280.579.587.969	17.670.238.658	1.396.834.165	1.143.478.800	348.094.419.625
- Khấu hao trong năm	3.387.457.320	26.673.210.683	1.119.303.186	34.655.775	-	31.214.626.964
- Tăng khác	-	921.711.000	-	-	-	921.711.000
31/12/2022	50.691.737.353	308.174.509.652	18.789.541.844	1.431.489.940	1.143.478.800	380.230.757.589
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2022	26.489.755.326	47.386.769.552	2.434.023.899	44.423.956	-	76.354.972.733
31/12/2022	27.749.004.816	35.249.299.503	1.314.720.713	9.768.181	-	64.322.793.213

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 314.704.358.533 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	Tổng cộng
	kế toán	
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2022	168.000.000	168.000.000
31/12/2022	168.000.000	168.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2022	168.000.000	168.000.000
31/12/2022	168.000.000	168.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2022	-	-
31/12/2022	-	-

16. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm	9.004.772.728	692.000.000
- Máy tiện	-	692.000.000
- Máy hàn điều khiển	417.500.000	-
- Máy dập 600T	1.880.000.000	-
- Máy đánh bóng kim loại	280.000.000	-
- Máy phay	2.503.636.364	-
- Các máy tiện	2.515.000.000	-
- Xe tải Hyundai 4,1T; 7T	1.408.636.364	-
Xây dựng cơ bản dở dang	93.518.518	-
- Nhà máy búa 3000	93.518.518	-
Sửa chữa lớn	-	104.545.454
- Mở rộng xí nghiệp	-	104.545.454
	9.098.291.246	796.545.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	131.220.500.070	131.220.500.070	137.528.432.803	137.528.432.803
- Công ty CP Thương mại Citicom	19.303.051.350	19.303.051.350	18.699.813.910	18.699.813.910
- Công ty CP Thương mại, Tư vấn và Xây dựng Đức Minh	4.754.723.973	4.754.723.973	6.119.026.346	6.119.026.346
- Công ty TNHH Linh Trung ES	3.696.338.481	3.696.338.481	5.792.190.412	5.792.190.412
- Công ty TNHH PMC Sông Công	2.843.744.552	2.843.744.552	3.030.262.585	3.030.262.585
- Công ty TNHH Sản xuất cơ khí chính xác Thiên Bình	-	-	4.000.815.433	4.000.815.433
- Công ty TNHH Thương mại Phú An Thịnh	2.430.210.996	2.430.210.996	3.679.888.641	3.679.888.641
- Tổng Công ty Máy động lực và máy nông nghiệp VN-CTCP	1.856.356.700	1.856.356.700	8.849.160.947	8.849.160.947
- Công ty CP Plato Việt Nam	6.851.400.666	6.851.400.666	6.797.471.808	6.797.471.808
- Công ty TNHH thương mại tổng hợp Nam Việt	5.811.489.310	5.811.489.310	3.487.214.390	3.487.214.390
- Công ty Cổ phần HYUNDAI ALUMINUM VINA	4.976.727.910	4.976.727.910	-	-
- Các đối tượng khác	78.696.456.132	78.696.456.132	77.072.588.331	77.072.588.331
Phải trả người bán là các bên liên quan	3.294.205.364	3.294.205.364	9.301.144.749	9.301.144.749
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	2.434.114.410	28.466.577.985	23.901.159.537	6.999.532.858
- Thuế giá trị gia tăng bán hàng nội địa	3.560.500	2.846.880	6.407.380	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.177.336.188	4.177.336.188	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.534.808.869	2.534.808.869	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.828.814.910	16.550.871.360	11.995.498.412	6.384.187.858
- Thuế thu nhập cá nhân	601.739.000	3.974.799.000	3.961.193.000	615.345.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.182.953.077	1.182.953.077	-
- Các loại thuế khác	-	39.806.311	39.806.311	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.156.300	3.156.300	-
Phải thu	-	-	100.560.306	100.560.306
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra hàng nội địa	-	-	100.560.306	100.560.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.823.075.477	874.650.197
- Chi phí công tác phí và vé cầu đường	15.536.000	15.788.000
- Chi phí thường sáng kiến cải tiến	-	29.880.000
- Chi đồng phục	-	472.330.000
- Chi phí suất ăn công nhân	576.220.000	-
- Chi phí đi lại cho người quản lý và bộ phận giúp việc cho HĐQT	780.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	451.319.477	356.652.197

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	9.538.890.105	10.596.867.562
- Kinh phí công đoàn	1.435.993.444	2.716.220.444
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.102.896.661	7.880.647.118
- Tiền ăn ca	17.275.000	1.123.175.000
- Đoàn phí công đoàn	2.730.500.800	1.504.848.800
- Thuế thu nhập cá nhân	198.947.222	198.947.222
- Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ khuyến học Tổng Công ty	454.132.000	485.072.000
- Công ty Nichipure	2.457.372.273	2.457.372.273
- Các đối tượng khác	2.244.669.366	2.111.231.823

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dài hạn	8.215.606.007	8.554.393.895
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê lại đất	8.215.606.007	8.554.393.895

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	855.514.204	2.169.058.636
- Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	-	2.169.058.636
- Dự phòng bảo hành sản phẩm	855.514.204	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	37.000.000.000	3.512.124.618	76.606.115.349	117.118.239.967
- Lãi trong năm	-	-	33.804.895.252	33.804.895.252
- Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(18.500.000.000)	(18.500.000.000)
- Trích lập quỹ	-	-	(15.929.000.000)	(15.929.000.000)
31/12/2021	37.000.000.000	3.512.124.618	75.982.010.601	116.494.135.219
01/01/2022	37.000.000.000	3.512.124.618	75.982.010.601	116.494.135.219
- Lãi trong năm nay	-	-	65.886.297.393	65.886.297.393
- Chia cổ tức (*)	-	-	(24.050.000.000)	(24.050.000.000)
- Trích lập quỹ (*)	-	-	(14.932.010.601)	(14.932.010.601)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(14.272.010.601)	(14.272.010.601)
+ Trích thưởng ban điều hành	-	-	(660.000.000)	(660.000.000)
31/12/2022	37.000.000.000	3.512.124.618	102.886.297.393	143.398.422.011

(*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	18.870.000.000	18.870.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	18.130.000.000	18.130.000.000
	37.000.000.000	37.000.000.000

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	37.000.000.000	37.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	37.000.000.000	37.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.050.000.000	18.500.000.000

23.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.700.000	3.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.700.000	3.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.700.000	3.700.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.700.000	3.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.700.000	3.700.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÀN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	637.044,32	974.999,82
- EURO	673,86	684,42
- JPY	707.191,00	708.511,00

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)*Nợ khó đòi đã xử lý*

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Nợ khó đòi đã xử lý</i>	5.693.993.937	5.693.993.937
- Trung tâm thiết kế chế tạo và chuyển giao công nghệ	93.258.500	93.258.500
- Công ty CP Phát triển công nghệ Việt Mỹ	11.000.541	11.000.541
- Công ty TNHH Anh Thu	45.250.280	45.250.280
- Trương Công Hùng - DNTN Xuân Hoàng Hà	87.000.014	87.000.014
- Công ty TNHH Thực nghiệp Kim Quốc Lâm Việt Nam	2.772.000	2.772.000
- Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại quốc tế ICT	19.821.968	19.821.968
- Viện nghiên cứu cơ khí	143.053.902	143.053.902
- Công ty TNHH Vận tải Bình Minh	23.075.055	23.075.055
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Thành	10.000.000	10.000.000
- Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu phụ tùng 1	531.207.159	531.207.159
- Lê Minh Khoa	135.322.140	135.322.140
- Phạm Trường Thành	4.447.310.534	4.447.310.534
- Công ty TNHH XNK Wuxi Jinshui	71.926.700	71.926.700
- Công ty CP Cơ khí đúc và Thương mại Hưng Thành	40.000.000	40.000.000
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Phát triển hạ tầng Hồng Long	30.000.000	30.000.000
- Jiangyin Xing Cheng Special Steel Works Co., Ltd	1.451.484	1.451.484
- Doanh nghiệp tư nhân Thiên Phát 99	693.660	693.660
- Phải thu khác - Bảo hiểm thân thể	850.000	850.000

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	1.311.130.393.036	1.066.418.638.648
- Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	245.083.245.542	217.187.302.177
- Doanh thu bán thành phẩm	1.054.831.461.533	837.471.275.313
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.696.849.028	4.131.759.113
- Doanh thu khác	7.518.836.933	7.628.302.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.265.905.215	1.132.982.296
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	769.353.073	405.451.886
+ Hàng bán bị trả lại	496.552.142	727.530.410

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	235.081.386.479	211.982.459.967
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	884.722.475.786	733.274.381.236
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.567.474.518	1.283.684.742
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(166.049.143)	(137.445.442)
	1.122.205.287.640	946.403.080.503

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.832.520.685	2.021.513.161
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.110.038.294	1.147.202.246
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	25.109.776	-
	6.967.668.755	3.168.715.407

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.146.331.982	602.619.627
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	119.197.080
	2.146.331.982	721.816.707

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	3.017.409.091
Các khoản khác	274.696.045	448.365.930
	274.696.045	3.465.775.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí phạt, lãi chậm nộp	10.080.716	25.588.914
Chi phí hàng lỗi	77.575.349	51.155.327
Xử lý công nợ	1.061.488	1.157.050
Các khoản chi phí khác	270.231.720	150.396.778
	358.949.273	228.298.069

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	81.819.059.644	63.477.945.633
- Nguyên vật liệu	357.864.995	164.142.298
- Nhân viên quản lý	47.746.457.561	41.628.137.973
- Khấu hao tài sản cố định	4.725.755.848	4.318.684.831
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	4.296.425.355	2.120.962.062
- Thuế phí lệ phí	1.297.544.393	939.199.104
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	738.469.248	672.959.762
- Chi phí khác bằng tiền	22.777.268.823	13.651.378.580
- Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu khó đòi	(120.726.579)	(17.518.977)
Các khoản chi phí bán hàng	28.140.055.329	18.664.783.609
- Nguyên vật liệu	1.142.737.315	568.497.767
- Chi phí nhân viên	11.795.660.372	8.507.424.724
- Dụng cụ đồ dùng	26.320.992	23.454.068
- Khấu hao tài sản cố định	439.838.489	438.449.906
- Thuế phí lệ phí	24.166.458	-
- Dự phòng bảo hành hàng hóa	855.514.204	-
- Chi phí khác bằng tiền	13.855.817.499	9.126.957.144
	109.959.114.973	82.142.729.242

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	772.215.115.438	620.655.089.807
Chi phí nhân công	222.291.063.779	193.580.222.209
Khấu hao tài sản cố định	30.887.219.967	31.132.072.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.978.798.970	22.810.577.957
Chi phí bằng tiền khác	83.623.294.811	73.381.893.302
	1.131.995.492.965	941.559.855.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.437.168.753	42.424.222.259
Các khoản chi phí không được khấu trừ	317.188.049	672.412.775
- Phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành	240.000.000	384.000.000
- Chi phí phạt thuế, chậm nộp bảo hiểm	10.080.716	25.588.914
- Bồi thường	-	148.176.000
- Xử lý công nợ	-	850.000
- Các khoản khác	67.107.333	113.797.861
Tổng thu nhập chịu thuế	82.754.356.802	43.096.635.034
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.550.871.360	8.619.327.007

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.886.297.393	33.804.895.252
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(29.102.734.494)	(14.932.010.601)
+ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(29.102.734.494)	(14.932.010.601)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.783.562.899	18.872.884.651
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.700.000	3.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	9.942	5.101

(*): Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Công ty. Tỷ lệ trích các quỹ cho năm 2022 được Công ty tạm trích lập theo tỷ lệ đã trích lập của năm 2021.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đã được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành đã được phê duyệt theo theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được trình bày lại là 5.101 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày là 6.208 đồng/cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

36. THÔNG TIN KHÁC**THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Cùng Công ty mẹ
4	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	Cùng Công ty mẹ
5	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
6	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Cùng Công ty mẹ
7	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Cùng Công ty mẹ
8	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Cùng Công ty mẹ
9	Viện Công nghệ	Cùng Công ty mẹ
10	Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	Công ty con của Công ty cùng Công ty mẹ
11	Công ty Honda Việt Nam	Công ty liên doanh với Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng	34.587.279.974	44.637.664.069
- Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	8.437.306.216	13.382.015.206
- Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	970.000.000	970.000.000
- Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	110.087.100	111.700.000
- Viện Công nghệ	67.200.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	9.533.331.000	1.705.710.000
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	131.220.000	68.400.000
- Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	15.337.623.720	28.399.838.863
- Công ty HONDA Việt Nam	511.938	-
Bán hàng	363.655.373.451	275.217.866.768
- Công ty CP cơ khí Cổ Loa	17.168.000	-
- Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	5.127.593.300	9.168.790.040
- Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	122.103.600	385.613.990
- Công ty Honda Việt Nam	358.388.508.551	265.663.462.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng	37.115.806.176	31.872.189.854
- Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	271.236.683	391.963.262
- Công ty Honda Việt Nam	36.844.569.493	31.480.226.592
Phải trả người bán	3.294.205.364	9.301.144.749
- Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	34.749.938	108.904.802
- Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	10.251.226	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	1.392.847.500	317.933.000
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	-	25.146.000
- Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1.856.356.700	8.849.160.947

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị		528.000.000	528.000.000
- Ông Lê Thu Hải	Chủ tịch	-	48.000.000
- Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch	144.000.000	96.000.000
- Bà Lý Kiều Anh	Thành viên	-	32.000.000
- Ông Đàm Duy Đức	Thành viên	96.000.000	64.000.000
- Ông Nguyễn Đức Chung	Thành viên	96.000.000	96.000.000
- Ông Hoàng Công Toán	Thành viên	96.000.000	96.000.000
- Ông Hà Thế Dũng	Thành viên	32.000.000	96.000.000
- Ông Vương Quốc Chính	Thành viên	64.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc		3.217.632.200	4.219.429.000
- Ông Hà Thế Dũng	Giám đốc	-	557.901.000
- Ông Nguyễn Đức Chung	Giám đốc	1.847.438.600	1.414.400.000
- Ông Lê Văn Khanh	Phó Giám đốc	1.370.193.600	1.139.832.000
- Ông Phan Đăng Danh	Phó Giám đốc	-	1.107.296.000
- Ông Đàm Duy Đức	Phó Giám đốc	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
Tổ dân phố Bông Hồng, phường Bãi Bông,
thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Lê Ngọc Thanh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Chung
Giám đốc